

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2022

“V/v Tranh chấp ly hôn và  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hữu Quy;  
2. Ông Phan Phi Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nhật Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:**  
Bà Đặng Thị Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim V; địa chỉ: Thôn A, xã Duy Phước, huyện B, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh L; địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Khu phố T, thị trấn H, huyện L, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Anh Nguyễn Thanh L hiện đang xuất khẩu lao động tại: Lào.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Lê Thị Kim V trình bày:*

Chị V đăng ký kết hôn với anh L ngày 22/6/2007 tại UBND A, huyện B, tỉnh Quảng Nam trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị V và anh L có 01 con chung cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 01/12/2007. Hiện tại cháu N đang được chị V chăm sóc và nuôi dưỡng. Năm 2008, chị V và anh L ra sinh sống cùng

gia đình anh L tại thị trấn H, huyện L. Năm 2010, tình cảm vợ chồng rạn nứt nên chị V bỏ vào tỉnh Quảng Nam sinh sống cùng bố mẹ đẻ từ đó cho đến nay và chị V, anh L sống ly thân, không còn liên lạc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay, anh L đang làm việc tại Lào, chị V không biết địa chỉ. Chị V thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị V yêu cầu Tòa án giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 01/12/2007 cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về phía bị đơn:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Hà Thị Hồng S (Nhưng) là mẹ đẻ của anh L nhận. Bà S cho biết anh L hiện đang làm việc tại nước Lào, không rõ địa chỉ và gia đình liên lạc với anh L thông qua điện thoại và mạng xã hội. Bà S cam đoan thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L biết. Theo bà S trình bày: Nguyên nhân ly hôn do chị V và anh L đã xảy ra mâu thuẫn, chị V đã bỏ vào Quảng Nam sinh sống với bố mẹ đẻ từ năm 2010 đến nay. Gia đình khuyên giải nhiều, nhưng chị V và anh L không đồng ý đoàn tụ. Sau khi biết được chị V xin ly hôn, gia đình đã thông báo cho anh L biết. Thông qua gia đình, anh L đồng ý ly hôn với chị V và đồng ý giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 01/12/2007 cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:*

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị V là hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, chị V bỏ vào Quảng Nam sống với gia đình bố mẹ đẻ từ năm 2010 đến nay. Còn anh L làm việc tại Lào. Vợ chồng chị V và anh L không còn liên lạc quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Kim V được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 01/12/2007 cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí : Chị Lê Thị Kim V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

*[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn chị Lê Thị Kim V yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thanh L đang đi xuất khẩu lao động tại Lào. Khi thụ lý vụ án, chị V và gia đình anh L không cung cấp được địa chỉ của anh L tại Lào, nhưng gia đình anh L thường xuyên liên lạc với anh L qua điện thoại, gia đình anh L đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh L và cam đoan thông báo nội dung của các văn bản tố tụng cho anh L, nhưng anh L không cung cấp địa chỉ, không trực tiếp tham gia tố tụng và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị V nên được coi là trường hợp bị đơn anh L cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn chị Lê Thị Kim V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Thanh L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh L.

*[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim V, Hội đồng xét xử thấy:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim V và anh Nguyễn Thanh L đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Quảng Nam ngày 22/6/2007 trên cơ sở tự nguyện. Theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về tình cảm: Sau khi kết hôn, chị V và anh L sinh sống tại tỉnh Quảng Nam. Năm 2008, chị V và anh L ra sinh sống cùng gia đình anh L tại thị trấn H, huyện L. Năm 2010, tình cảm vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn nên chị V bỏ vào sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại tỉnh Quảng Nam. Từ đó cho đến nay, chị V và anh L sống ly thân, không còn liên lạc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Còn anh L đi làm việc tại nước Lào. Chị V và anh L đều đồng ý ly hôn. Xét thấy tình cảm giữa chị

V và anh L không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh L.

[2.3] Về con chung: Chị V và anh L có 01 con chung cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 01/12/2007, hiện nay đang được chị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V yêu cầu Tòa án giao cháu N cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Thông qua gia đình, anh L đồng ý giao cháu N cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn cháu N có đơn trình bày nguyện vọng được ở với chị V. Hội đồng xét xử thấy: Chị V đang là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, hiện tại anh L đang làm việc tại nước Lào. Căn cứ các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 01/12/2007 cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí. Buộc chị Lê Thị Kim V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000087 ngày 27/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị V đã nộp đủ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 469, Điều 479, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim V.

1. Về tình cảm: Chị Lê Thị Kim V được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 01/12/2007 cho chị Lê Thị Kim V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Kim V phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000087 ngày 27/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị V đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Kim V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết. Anh Nguyễn Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Hội thẩm nhân dân**                      **Thẩm phán - Chủ tọa**  
**phiên tòa**

**Nguyễn Văn Biên**

**Phan Phi Anh**

**Nguyễn Thị Thu Hà**